

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN C **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
THÀNH PHỐ C

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29/5/2023

V/v “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Vũ Linh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Dương Thuý Hà.

2/ Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hạnh Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Nhu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2023 về việc “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 187/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Th**, sinh năm 1978 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 26C khu vực Thanh Phú, phường P, quận C, thành phố C.

2. *Bi đơn:* Ông **Trương Văn Tr**, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 26C khu vực Thanh Phú, phường P, quận C, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Võ Thị Th trình bày và yêu cầu:* Bà và ông Trương Văn Tr tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận C, thành phố C vào ngày 27/5/2004. Trong thời gian chung sống giữa bà với ông Tr phát sinh mâu thuẫn do không tìm ra tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, thường xuyên cãi vã, ông Tr có người phụ nữ khác, không thể hàn gắn với nhau. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương Văn Tr.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà với ông Tr có 02 (hai) con chung là Trương Mãi S (nam), 09/9/2002 và Trương Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 01/02/2009, cháu Siêu đã trưởng thành nên không yêu cầu, riêng cháu Trân bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông Tr không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trương Văn Tr đã được Tòa án triệu tập 02 (hai) lần đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án trên theo quy định, cụ thể vào các ngày 06/4/2023 và ngày 21/4/2023, tuy nhiên ông Tr vắng mặt mà không có lý do. Cho nên, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, cũng như tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục tố tụng. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết đúng quy định; Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải, thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; không phát hiện vi phạm.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, đây là quyền của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với bị đơn ông Tr đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt mà không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Võ Thị Th được ly hôn với ông Trương Văn Tr. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Trương Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 01/02/2009 cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Đối với tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Th cho rằng không có, không có yêu cầu, riêng bị đơn ông Tr vắng mặt, nên chưa làm rõ được trong vụ án này, đề nghị tách ra giải quyết thành vụ án khác, nếu đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Võ Thị Th và ông Trương Văn Tr tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường P, quận C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 27/5/2004, nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, không đạt được hạnh phúc như mong muốn nên bà Th có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Tr, quan hệ tranh chấp được xác định là “Xin ly hôn”, vụ việc được Tòa án nhân dân quận C thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Võ Thị Th có yêu cầu xét xử vắng mặt, xét đây là quyền của đương sự và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với bị đơn ông Trương Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng ông Tr vắng mặt mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Th và ông Tr là hợp pháp trên cơ sở tự nguyện, trong thời gian chung sống thì tình cảm vợ chồng có sự rạn nứt, mâu thuẫn với nhau, giữa hai người không tìm ra cách giải quyết mâu thuẫn, không hàn gắn tiếp tục cuộc sống hôn nhân đã được xây dựng, theo bà Th cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không thể hàn gắn và mâu thuẫn ngày càng lớn nên không thể đoàn tụ với nhau.

Xét thấy để xây dựng hạnh phúc của gia đình, cũng như cuộc sống của vợ chồng phải được vun đắp từ tình cảm thật sự xuất phát từ bản thân của cả người vợ và người chồng, sự tự nguyện cả hai người đồng thời cùng duy trì, giữ gìn hạnh phúc đã xây dựng, cùng chăm lo cho nhau và nuôi dạy con chung, nhưng bà Th và ông Tr không làm được điều này. Bà Th cho rằng không còn tình cảm, không thể hàn gắn và kiên quyết được ly hôn với ông Tr, nếu gán ép, duy trì sẽ không mang lại hạnh phúc. Riêng đối với bị đơn ông Tr đã được Tòa án thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng ông Tr vắng mặt mà không

có lý do, không đưa ra ý kiến hay giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau, chứng tỏ ông Tr không còn tha thiết duy trì cuộc hôn nhân với bà Th. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà Th và ông Tr không đạt được, đời sống chung thực tế không tồn tại, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th, cho bà Th được ly hôn với ông Tr là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Trương Mãi S (nam), 09/9/2002, cháu Siêu đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết; và Trương Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 01/02/2009, nguyên đơn bà Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trân cho đến khi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo điều kiện chăm sóc, học tập, giáo dục con chung, trong khi cháu Trân là nữ nên giao cháu Trân cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp và có căn cứ.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Th không yêu cầu ông Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mặc dù đã được giải thích về vấn đề cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con chung chứ không phải của người nuôi con nhưng bà Th vẫn không yêu cầu ông Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; xét đây là sự tự nguyện của bà Th, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Tr theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th khai không có, không có yêu cầu giải quyết, riêng ông Tr vắng mặt nên chưa làm rõ, nên sau này có ai khởi kiện tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị Th nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị Th được ly hôn với ông Trương Văn Tr.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Trương Mãi S (nam), 09/9/2002, cháu Siêu đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết; và Trương Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 01/02/2009, giao cháu Trân cho Thuý tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, bà Th không yêu cầu ông Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Tr theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th khai không có, không có yêu cầu giải quyết, riêng ông Tr vắng mặt nên chưa làm rõ; nên sau này có ai khởi kiện tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị Th nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008997 ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C; bà Th đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định; để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm theo quy định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND Tp.C;
- VKSND Q.C;
- Chi cục THADS Q.C;
- UBND P.P;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Phan Vũ Linh